

Bản án số: 397/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-10- 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Minh Triển

2/ Ông Nguyễn Ngọc Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tổ Anh- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 2, Ấp H, xã V, huyện C, An Giang.

Tạm trú: Tổ 18, ấp T, xã V, huyện C, An Giang.

2.*Bị đơn:* Anh Dương Thanh B, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp H, xã V, huyện C, An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 7/7/2020, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Thanh B kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình bên chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn,

do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong giải quyết, xử lý chuyện nội bộ gia đình, từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa, vợ chồng ly thân hơn 06 tháng nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng bị rạn nứt do mâu thuẫn ngày càng nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Thanh B.

- Về con chung: có 01(một) con chung tên: Dương Thanh N , sinh ngày 05/9/2004. Hiện cháu N đang sống với B . Sau ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Thanh B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Dương Thanh B vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của anh B tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì anh B hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 2, ấp H, xã V, huyện C, An Giang, nhưng anh B vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai lại được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh B. Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Dương Thanh B là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Thanh B theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh N và anh Dương Thanh B kết hôn vào năm 2003, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị N trình bày thời gian đầu sau khi kết hôn chị và anh B chung sống với gia đình bên chồng, vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Vợ chồng luôn bất hòa trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không còn tin tưởng nhau nữa. Vợ chồng anh chị ly thân hơn một năm nay. Xét thấy với thời gian gần chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng anh B cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của chị N. Theo xác minh bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột anh B) cho biết giữa anh B và chị N sau khi cưới thì vợ chồng đi Bình Dương sinh sống, có mâu thuẫn thế nào thì bà không biết cụ thể, nhưng chị N và anh B không còn sống chung nữa. Hiện tại chị N xác định không còn tình cảm với anh B. Tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị N và anh B không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 01(một) con chung tên là Dương Thanh N, sinh ngày 05/9/2004. Hiện cháu N đang sống với B. Sau ly hôn chị đồng ý giao cháu N cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2020 cháu N cũng có nguyện vọng sống với anh B, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Ngoài ra từ nhỏ đến nay cháu N sống với anh B, được anh và gia đình chăm sóc cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để anh B được tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp. Chị N thì không cấp dưỡng nuôi con. Còn anh B thì không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành cho anh B quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh B có yêu cầu. Anh B phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của chị Lê Thị Thanh N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh N . Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh N và anh Dương Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 26KH, ngày 17/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Dương Thanh B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thanh N , sinh ngày 5/09/2004. Chị Lê Thị Thanh N không cấp dưỡng nuôi con. Dành cho anh B quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh B có yêu cầu. Anh B phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N được quyền tới lui chăm sóc cháu N , không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Thanh N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007101 ngày 29/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Lê Thị Thanh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/10/2020). Anh Dương Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung